

CÔNG TY CỔ PHẦN
THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Số: 74 / 2021/CV-JVC
(V/v: CBTT BCTC Quý IV/2020 và
Giải trình biến động LNST)

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2021

- Kính gửi:**
- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
 - SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HỒ CHÍ MINH
- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT**
- Mã chứng khoán: **JVC**
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 24, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 0243 683 0516 Fax: 0243 683 0578
- Người thực hiện công bố thông tin: **Nguyễn Thảo Hương**
- Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0243 683 0516
- Loại thông tin công bố: 24 giờ bất thường theo yêu cầu : định kỳ
- Nội dung thông tin công bố (*):
- Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Việt Nhật công bố Báo cáo tài chính Quý IV năm 2020 như sau:

1. Báo cáo tài chính Quý IV/2020 (giai đoạn 01/01/2021-31/03/2021) đã được chúng tôi công bố trên website của công ty theo đường dẫn:

http://ytevietnhat.com.vn/bao-cao-tai-chinh_t370c37tn.aspx

2. Giải trình Báo cáo tài chính Quý IV/2020 (giai đoạn 01/01/2021-31/03/2021) do Doanh thu thuần và Lợi nhuận sau thuế biến động hơn 10% so với cùng kỳ năm ngoái, cụ thể như sau:

a. Báo cáo tài chính riêng Quý IV/2020 (giai đoạn 01/01/2021-31/03/2021):

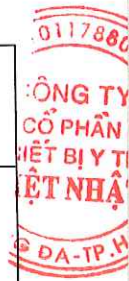
STT	Chỉ tiêu so sánh	Quý IV/2020	Quý IV/2019	Chênh lệch (VND)	Tỷ lệ %
1	Doanh thu thuần lũy kế từ đầu năm	409.102.135.335	514.217.505.544	(105.115.370.209)	-20,4%
2	Lợi nhuận sau thuế	(18.466.664.555)	(7.717.478.969)	(10.479.185.586)	139%

3	Lợi nhuận sau thuế lũy kế	(58.990.705.525)	5.985.334.356	(64.976.039.881)	-1.085,59%

Lý do chủ yếu của biến động này là do doanh thu của hầu hết lĩnh vực kinh doanh của Công ty giảm sút do ảnh hưởng bởi Đại dịch Covid-19 khiến các bệnh viện và cơ sở y tế giảm dùng vật tư tiêu hao do một số bệnh viện bị phong tỏa và người dân cũng hạn chế tới bệnh viện, công tác bán hàng bị gián đoạn trong vài tháng đầu năm tài chính 2020. Bên cạnh đó, nguồn vốn đầu tư trang thiết bị y tế của các Bệnh viện đã được chuyển mục đích ưu tiên mua sắm các trang thiết bị, vật tư bảo hộ phòng chống dịch như máy thở, máy xét nghiệm, khẩu trang, nước rửa tay... để đảm bảo công tác chống dịch Covid. Đồng thời, Công ty phản ánh đầy đủ các khoản chi phí trong kỳ như trích lập bổ sung dự phòng hàng tồn kho, phải thu để đảm bảo phản ánh đúng giá trị có thể thu hồi trong tương lai; rà soát lại thời gian khấu hao của một số TSCĐ liên doanh liên kết cho phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước cũng như tuổi thọ kinh tế của máy móc thiết bị.

b. Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV/2020 (giai đoạn 01/01/2021-31/03/2021):

STT	Chỉ tiêu so sánh	Quý IV/2020	Quý IV/2019	Chênh lệch (VND)	Tỷ lệ %
2	Doanh thu thuần lũy kế từ đầu năm	411.416.951.706	517.172.861.928	(105.755.910.222)	-20,45%
3	Lợi nhuận sau thuế	(22.930.314.902)	(8.723.936.894)	(14.206.378.008)	162,84%
4	Lợi nhuận sau thuế lũy kế	(76.659.186.777)	2.796.028.877	(79.455.215.654)	-2.841,72%



Lý do chủ yếu của biến động này là do doanh thu của hầu hết lĩnh vực kinh doanh của Công ty giảm sút do ảnh hưởng bởi Đại dịch Covid-19 khiến các bệnh viện và cơ sở y tế giảm dùng vật tư tiêu hao do một số bệnh viện bị phong tỏa và người dân cũng hạn chế tới bệnh viện, công tác bán hàng bị gián đoạn trong vài tháng đầu năm tài chính 2020. Bên cạnh đó, nguồn vốn đầu tư trang thiết bị y tế của các Bệnh viện đã được

chuyển mục đích ưu tiên mua sắm các trang thiết bị, vật tư bảo hộ phòng chống dịch như máy thở, máy xét nghiệm, khẩu trang, nước rửa tay... để đảm bảo công tác chống dịch Covid. Đồng thời, Công ty phản ánh đầy đủ các khoản chi phí phát sinh trong kỳ như trích lập bổ sung dự phòng hàng tồn kho, phải thu để đảm bảo phản ánh đúng giá trị có thể thu hồi trong tương lai; rà soát lại thời gian khấu hao của một số TSCĐ liên doanh liên kết cho phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước cũng như tuổi thọ kinh tế của máy móc thiết bị.

Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Việt Nhật cam kết những thông tin được cung cấp trên đây là trung thực và chính xác.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VP.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN



NGUYỄN THẢO HƯƠNG



Số: 04./UQ-JVC

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2021

GIẤY ỦY QUYỀN

Người ủy quyền : Ông NGUYỄN HUY TUẤN
Chức vụ : Chủ tịch HĐQT – Người đại diện theo pháp luật Công ty CP Thiết bị Y tế Việt Nhật (Công ty)
Người nhận ủy quyền : Ông HOÀNG VĂN KIÊN
Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc Công ty
Thời gian ủy quyền : Từ ngày ký cho đến khi hoàn thành công việc theo nội dung ủy quyền.
Nội dung ủy quyền - Ký các báo cáo tài chính bao gồm: báo cáo tài chính riêng và hợp nhất quý, báo cáo tài chính riêng và hợp nhất bán niên, báo cáo tài chính riêng và hợp nhất cho năm tài chính.

Người nhận ủy quyền chỉ được thực hiện các công việc ủy quyền khi đang đảm nhiệm chức vụ được giao tại Công ty, có trách nhiệm thực hiện nội dung được ủy quyền phù hợp với các quy định hiện hành của Công ty, pháp luật và báo cáo với người ủy quyền về các công việc đã thực hiện theo nội dung được ủy quyền.

NGƯỜI NHẬN ỦY QUYỀN



Hoàng Văn Kiên



NGƯỜI ỦY QUYỀN

Nguyễn Huy Tuấn

Nơi nhận:

- Người UQ/nhận UQ;
- HĐQT (để b/cáo);
- Các Khối/Bộ phận (để biết);
- Lưu VT.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021



Thông tin về công ty

**Giấy chứng nhận
đăng ký kinh doanh:**

Số 0101178800

ngày 21 tháng 12 năm 2020

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 9 năm 2010 và được điều chỉnh lần thứ 18 vào ngày 21 tháng 12 năm 2020.

Hội đồng Quản trị:

Ông Nguyễn Huy Tuấn

Phó Chủ tịch (từ ngày 30 tháng 09 năm 2020), Chủ tịch (từ ngày 15 tháng 12 năm 2020)

Ông Hosono Kyohei

Chủ tịch (từ ngày 23 tháng 10 năm 2018), từ nhiệm từ ngày 09 tháng 12 năm 2020.

Bà Nguyễn Thị Hạnh

Phó chủ tịch HĐQT (từ ngày 17 tháng 12 năm 2020)

Ông Cao Tiên Dũng

Phó chủ tịch HĐQT (từ ngày 17 tháng 12 năm 2020)

Ông Nguyễn Việt Cường

Thành viên (từ ngày 30 tháng 09 năm 2020)

Ông Vũ Hoàng Việt

Thành viên (từ ngày 30 tháng 09 năm 2020)

Ông Nguyễn Lân Việt Anh

Thành viên (từ ngày 17 tháng 12 năm 2020)

Ông Hoàng Văn Kiên

Thành viên (từ ngày 17 tháng 12 năm 2020)

Ông Trần Ngọc Khánh

Thành viên (từ ngày 17 tháng 12 năm 2020)

Ông Hoàng Điệp

Thành viên (từ ngày 17 tháng 12 năm 2020)

Bà Vũ Thị Thúy Hằng

Thành viên (từ ngày 19 tháng 07 năm 2019), từ nhiệm (từ ngày 15 tháng 12 năm 2020)

Ban Tổng Giám đốc: Ông Nguyễn Việt Cường

Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh HCM (từ ngày 17 tháng 12 năm 2020)

Bà Vương Vân Anh

Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 05 tháng 4 năm 2018)

Ông Hoàng Văn Kiên

Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính (từ ngày 01 tháng 12 năm 2020)

Ông Trần Ngọc Khánh

Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 14 tháng 11 năm 2020)

Bà Dương Thùy Mai

Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 01 tháng 04 năm 2021)

Ban Kiểm soát:

Nguyễn Lê Thắng

Thành viên (từ ngày 01 tháng 10 năm 2020, trưởng ban từ 19 tháng 10 năm 2020)

Bà Đặng Thị Hà Giang

Thành viên (từ ngày 30 tháng 9 năm 2016)

Ông Nguyễn Văn Vỹ

Thành viên (từ ngày 17 tháng 12 năm 2020)

Ông Trần Đức Thanh

Thành viên (từ ngày 30 tháng 09 năm 2020; từ nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2020)

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thông tin về công ty

Trụ sở đăng ký: Tầng 24, tòa nhà Icon4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2021

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 03 đến trang 27 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Hoàng Văn Kiên
Phó Tổng Giám đốc

Hà nội, ngày 29 tháng 04 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 03 năm 2021

Mẫu B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/3/2021	31/3/2020
			VND	VND
TÀI SẢN				
A. Tài sản ngắn hạn	100		300,826,032,200	318,527,899,494
[(100)=110+120+130+140+150]				
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	120,139,128,350	40,374,366,307
(110=111+112)				
Tiền	111		6,639,128,350	9,074,366,307
Các khoản tương đương tiền	112		113,500,000,000	31,300,000,000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		180,000,000	11,000,000,000
(120=121+122+123)				
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		180,000,000	11,000,000,000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		118,571,863,211	141,310,866,258
(130=131+132+133+134+135+136+137+139)				
Phải thu khách hàng	131	6	486,673,070,742	498,835,188,012
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	316,452,044,654	322,125,054,912
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		999,242,500	999,242,500
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	517,347,858,191	515,228,709,194
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	9	(1,202,900,352,876)	(1,195,877,328,360)
Hàng tồn kho (140=141+149)	140	10	60,072,433,902	123,159,626,325
Hàng tồn kho	141		106,561,988,901	165,079,842,297
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(46,489,554,999)	(41,920,215,972)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1,862,606,737	2,683,040,604
(150=151+152+153+154+155)				
Trả trước ngắn hạn	151	11	1,418,023,790	1,354,265,892
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		185,236,708	968,779,634
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	16	259,346,239	359,995,078
B. Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220+230 + 240 + 250 + 260)	200		327,406,931,277	319,329,369,093
Các khoản phải thu dài hạn	210		1,096,346,785	2,748,846,924
(210=211+212+213+214+215+216+219)				
Phải thu dài hạn khác	216	8	1,096,346,785	2,748,846,924
Tài sản Cố định (220=221+224+227)	220		214,462,380,511	288,141,406,330
TSCĐ Hữu hình (221=222+223)	221	12	211,253,531,322	287,789,207,196
Nguyên Giá	222		780,746,678,762	860,578,337,587
Khấu hao	223		(569,493,147,440)	(572,789,130,391)
TSCĐ Vô hình	227	13	3,208,849,189	352,199,134
Nguyên Giá	228		4,364,437,980	923,000,480
Khấu hao	229		(1,155,588,791)	(570,801,346)
Tài sản dở dang dài hạn (240=241+242)	240	14	933,657,355	10,347,850,300
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		933,657,355	10,347,850,300
Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	101,515,200,000	4,520,000,000
(250=251+252+253+254+255)				
Đầu tư vào công ty liên kết	252		750,000,000	750,000,000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		212,265,200,000	110,750,000,000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(111,500,000,000)	(111,500,000,000)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 03 năm 2021

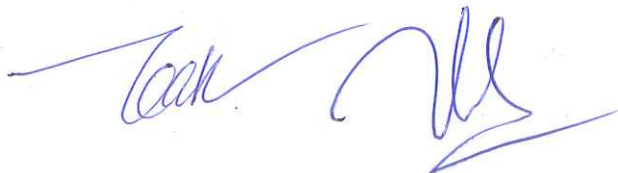
Mẫu B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/3/2021	31/3/2020
			VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	4,520,000,000
Tài sản dài hạn khác (260=261+262+263+268)	260		9,399,346,626	13,571,265,539
Trả trước dài hạn	261	11	9,329,576,986	13,444,550,978
Tài sản thuế hoãn lại	262		69,769,640	126,714,561
Tổng tài sản (270=100+200)	270		628,232,963,477	637,857,268,587
C. Nợ Phải Trả (300=310+330)			173,513,977,255	106,479,095,588
Nợ ngắn hạn (310=311+312+...+322+323+324)	310		152,619,440,467	81,697,385,416
Phải trả người bán - ngắn hạn	311	17	31,710,099,522	49,538,681,349
Khách hàng trả tiền trước ngắn hạn	312		12,401,565,000	4,937,297,264
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	727,555,144	303,909,416
Phải trả người lao động	314		168,494,909	62,659,805
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	33,542,459,750	24,334,147,777
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	1,191,117,649	1,057,567,838
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	67,087,483,989	-
Các khoản dự phòng phải trả ngắn hạn	321		5,790,664,504	1,463,121,967
Nợ dài hạn (330=331+332+...+342+343)			20,894,536,788	24,781,710,172
Phải trả dài hạn khác	337	19	16,916,102,804	24,781,710,172
Vay và nợ thuê TC Dài hạn	338	21	3,978,433,984	-
Vốn chủ sở hữu (400=410+430)	400		454,718,986,222	531,378,172,999
Vốn chủ sở hữu (410=411+412+...+420+421+422)	410	22	454,718,986,222	531,378,172,999
Vốn góp của chủ	411		1,125,001,710,000	1,125,001,710,000
Thặng dư vốn	412		402,288,328,850	402,288,328,850
Quỹ đầu tư phát triển	418		19,211,235,252	19,211,235,252
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (421=421a+421b)	421		(1,091,782,287,880)	(1,015,123,101,103)
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(1,015,123,101,103)	(1,017,919,129,980)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(76,659,186,777)	2,796,028,877
Tổng cộng nguồn vốn (440= 300 + 400)	440		628,232,963,477	637,857,268,587

Ngày 29 tháng 04 năm 2021

Người lập




Lê Hà Thanh

Kế toán

Người duyệt




Hoàng Văn Kiên

Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Mẫu B 02 - DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01 tháng 01	Từ ngày 01 tháng 01	Lũy kế từ đầu năm đến	Lũy kế từ đầu năm đến
			năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021	năm 2020 đến ngày 31 tháng 03 năm 2020	cuối quý này (năm nay)	cuối quý này (năm trước)
			VND	VND	VND	VND
Tổng doanh thu	01	24	93,568,668,793	94,812,073,806	411,625,472,069	519,305,001,531
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		126,954,761	2,033,969,698	208,520,363	2,132,139,603
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		93,441,714,032	92,778,104,108	411,416,951,706	517,172,861,928
Giá vốn hàng bán	11	25	90,019,136,816	75,933,259,334	375,562,985,908	408,115,254,687
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		3,422,577,216	16,844,844,774	35,853,965,798	109,057,607,241
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	2,816,532,715	969,297,434	6,673,374,756	3,796,522,045
Chi phí tài chính	22	27	824,627,957	260,786,489	3,674,473,000	513,313,604
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		805,791,355	-	1,214,024,670	9,038,195
Chi phí bán hàng	24	30	12,070,114,079	20,200,217,457	65,665,855,762	80,944,864,483
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	30	15,123,454,048	8,339,939,620	44,559,141,587	39,928,425,776
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24+25)}	30		(21,779,086,153)	(10,986,801,358)	(71,372,129,795)	(8,532,474,577)
Thu nhập khác	31	28	777,679,474	3,429,045,749	4,228,010,391	13,461,931,635
Chi phí khác	32	29	1,911,983,318	1,150,500,242	9,408,215,411	2,197,945,461
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(1,134,303,844)	2,278,545,507	(5,180,205,020)	11,263,986,174
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		(22,913,389,997)	(8,708,255,851)	(76,552,334,815)	2,731,511,597
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	-	-	49,907,041	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		16,924,905	15,681,043	56,944,921	(64,517,280)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(22,930,314,902)	(8,723,936,894)	(76,659,186,777)	2,796,028,877
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(204)	(78)	(681)	25

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Mẫu B 02 - DN

*(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)*

Giải trình chênh lệch trên 10%:

Lỗ hợp nhất Quý IV/2020 là 22,9 tỷ đồng, mức lỗ quý này tăng 14,2 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ 162,84% so với mức lỗ cùng kỳ năm trước. Doanh thu thuần hợp nhất lũy kế đến Quý IV/2020 là: 411,4 tỷ đồng giảm 105,7 tỷ đồng tương đương với tỷ lệ giảm là 20,45% so với số lũy kế cùng kỳ năm trước. Lỗ sau thuế hợp nhất lũy kế đến Quý IV/2020 là 76,6 tỷ đồng giảm 79,4 tỷ đồng tương đương với tỷ lệ 2.841,72% so với số lũy kế cùng kỳ năm trước. Lý do chủ yếu của biến động này là do doanh thu của hầu hết lĩnh vực kinh doanh của Công ty giảm sút do ảnh hưởng bởi Đại dịch Covid-19 khiến các bệnh viện và cơ sở y tế giảm dùng vật tư tiêu hao do một số Bệnh viện lớn bị phong tỏa và người dân cũng hạn chế tới Bệnh viện, công tác bán hàng bị gián đoạn trong vài tháng đầu năm 2020. Bên cạnh đó, nguồn vốn đầu tư trang thiết bị y tế của các Bệnh viện đã được chuyển mục đích ưu tiên mua sắm các trang thiết bị, vật tư bảo hộ phòng chống dịch như máy thở, máy xét nghiệm, khẩu trang, nước rửa tay... để đảm bảo công tác chống dịch Covid. Đồng thời, Công ty phản ánh đầy đủ các khoản chi phí trong kỳ như trích lập bổ sung dự phòng hàng tồn kho, phải thu để đảm bảo phản ánh đúng giá trị có thể thu hồi trong tương lai; rà soát lại thời gian khấu hao của một số TSCĐ liên doanh liên kết cho phù hợp quy định hiện hành của Nhà nước và tuổi thọ kinh tế của máy móc thiết bị.

Ngày 29 tháng 04 năm 2021

Người lập biểu



Lê Hà Thanh

Kế toán trưởng



Trần Đức Thanh

Phó Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Kiên

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn chín tháng từ ngày 01 tháng 04 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 04 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 04 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	01		(76,552,334,815)	2,731,511,597
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		110,087,770,003	78,199,119,629
- Các khoản dự phòng	03		15,919,906,080	9,697,831,619
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(346,957,031)	199,851,529
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		1,693,086,661	(1,980,118,602)
- Chi phí lãi vay	06		1,214,024,670	9,038,195
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động (08=01+02+03+04+05+06+07)	08		52,015,495,568	88,857,233,967
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		37,118,871,592	15,068,661,493
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		58,517,853,396	(5,898,382,066)
- Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(8,129,280,480)	(68,048,634,427)
- Tăng, giảm Chi phí trả trước	12		4,051,216,094	735,548,591
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1,146,918,439)	(9,038,195)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6,957,375)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh (20=08+09+10+...+16+17)	20		142,420,280,356	30,705,389,363
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(40,808,310,598)	(22,454,532,515)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		(9,499,518,000)	1,595,595,000
3. Tiền chi cho vay, mua các dụng cụ nợ của đơn vị khác	23		(96,995,200,000)	(13,000,000,000)
4. Tiền thu hồi từ đầu tư vào các khoản tiền gửi tại ngân hàng	24		-	550,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		10,820,000,000	-
6. Tiền thu lãi tiền gửi	27		2,760,946,916	2,670,409,127
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư (30=21+22+...+26+27)	30		(133,722,081,682)	(30,638,528,388)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn chín tháng từ ngày 01 tháng 04 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 04 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 04 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019
			VND	VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		89,564,205,629	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(18,498,287,656)	(500,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính (40=31+32+33+34+35+36)	40		71,065,917,973	(500,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		79,764,116,647	(433,139,025)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	40,374,366,307	40,807,505,332
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		645,396	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5	120,139,128,350	40,374,366,307

Ngày 29 tháng 04 năm 2021

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Lê Hà Thanh

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Trần Đức Thanh



Phó Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Hoàng Văn Kiên

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1 Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Ngành nghề và hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- * Đại lý buôn bán thiết bị và dụng cụ y tế;
- * Lắp đặt, sửa chữa, bảo trì thiết bị y tế;
- * Sản xuất, lắp ráp thiết bị y tế;
- * Cho thuê máy móc, thiết bị y tế;
- * Bán lẻ dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh;
- * Hoạt động của phòng khám đa khoa.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

(d) Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021, Công ty có Trụ sở chính tại Hà Nội, một chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, một công ty con và một công ty liên kết

Tên công ty	Hoạt động chính	Lợi ích và quyền biểu quyết
Công ty TNHH Kyoto Medical Science	Đại lý, buôn bán thiết bị và dụng cụ y tế; lắp đặt sửa chữa, bảo trì thiết bị y tế; sản xuất lắp ráp thiết bị y tế	100%
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín	Đại lý, buôn bán thiết bị và dụng cụ y tế; lắp đặt sửa chữa, bảo trì thiết bị y tế; sản xuất lắp ráp thiết bị y tế	25%

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là JVC.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021 Công ty có 191 nhân viên (ngày 31 tháng 3 năm 2020: 183 nhân viên)

2 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và kỳ kế toán

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

© Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 01 tháng 4 đến ngày 31 tháng 3.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3 Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty đã lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

4 Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

© Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng. Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và những chi phí có liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến.

Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ tại thời điểm phát sinh chi phí.

Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

* Nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 10 năm
* Máy móc và thiết bị	6 – 12 năm
* Phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
* Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 8 năm

(g) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán.

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 3 đến 5 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh giá trị của các máy móc thiết bị chưa lắp đặt xong. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình lắp đặt.

Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm liên quan trực tiếp đến giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được tiền góp vốn từ các cổ đông, phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ riêng của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua.

Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng máy móc thiết bị y tế được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện.

Thu nhập từ hoạt động khai thác thiết bị y tế từ các hợp đồng liên kết với các bệnh viện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở thực tế sử dụng của thiết bị y tế liên quan được tính toán trong biên bản đối chiếu hàng tháng giữa Công ty và các bệnh viện.

Thu nhập được chia từ các hợp đồng liên kết này được ghi nhận trên cơ sở thuần (được tính bằng tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận trước thuế của hoạt động liên kết mà Công ty được hưởng) thay vì được ghi nhận riêng biệt vào từng dòng doanh thu và chi phí theo như hướng dẫn hạch toán của Thông tư 200 đối với các hợp đồng hợp tác kinh doanh đồng kiểm soát. Tuy nhiên, Công ty đánh giá việc ghi nhận thu nhập thuần này không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính và không làm ảnh hưởng đến lợi nhuận/lỗ thuần của Công ty.

Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê

(q) Chi phí vay

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này

® Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan. Một bên được coi là liên quan đến đơn vị lập báo cáo nếu:

Trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian mà bên hoặc các bên đó: kiểm soát, hoặc bị kiểm soát, hoặc dưới quyền kiểm soát chung với đơn vị lập báo cáo (gồm công ty mẹ, công ty con, các công ty con cùng tập đoàn); có lợi ích ở đơn vị lập báo cáo cho phép có ảnh hưởng đáng kể tới đơn vị lập báo cáo; hoặc

(i) có quyền đồng kiểm soát đối với đơn vị lập báo cáo;

(ii) Bên đó là công ty liên kết (như được định nghĩa trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 7, Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết) của đơn vị lập báo cáo;

(iii) Bên đó là một liên doanh (như được định nghĩa trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 8, Thông tin tài chính về những khoản góp vốn liên doanh) trong đó đơn vị lập báo cáo là bên góp vốn liên doanh;

(iv) Bên đó là một thành viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của đơn vị lập báo cáo;

(v) Bên đó là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã được nêu ở đoạn (i) hay (iv); hoặc

(vi) Bên đó là một đơn vị bị kiểm soát, bị đồng kiểm soát hay bị ảnh hưởng đáng kể bởi, hoặc một phần đáng kể quyền biểu quyết đối với đơn vị đó, trực tiếp hoặc gián tiếp, thuộc quyền của bất kỳ các cá nhân nào đã được nêu ở đoạn (iv) hoặc (v).

5 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/3/2021	31/3/2020
	VND	VND
Tiền mặt	45,617,000	1,190,009,000
Tiền gửi tại tổ chức tín dụng không kỳ hạn	6,593,511,350	7,884,357,307
Các khoản tương đương tiền (i)	113,500,000,000	31,300,000,000
Cộng	120,139,128,350	40,374,366,307

(i) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản đầu tư kỳ hạn linh hoạt.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

6 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/3/2021	31/3/2020
	VND	VND
- Công ty TNHH Thương mại Hướng Đông	107,340,812,353	107,340,812,353
- Công ty Cổ phần Đầu tư A1	97,904,625,613	97,904,625,613
- Khách hàng khác	281,427,632,776	293,589,750,046
Cộng	486,673,070,742	498,835,188,012

Số dư phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 31 tháng 03 năm 2021 bao gồm khoảng 260 tỷ đồng (số dư không biến động kể từ thời điểm 31 tháng 03 năm 2016) là khoản phải thu của các đối tượng công nợ mà Công ty không thu thập được xác nhận công nợ tại thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính riêng. Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ khoản phải thu này.

7 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/3/2021	31/3/2020
	VND	VND
Công ty TNHH Công trình và Trang thiết bị Y tế	36,635,000,000	36,635,000,000
Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh thuốc, thiết bị y tế RC	21,080,000,000	21,080,000,000
JWB Co., Ltd.	190,230,906,514	190,230,906,514
Nishimura Medical Instrument	29,872,783,121	29,872,783,121
Các công ty khác	38,633,355,019	44,306,365,277
Cộng	316,452,044,654	322,125,054,912

8 PHẢI THU KHÁC

	31/3/2021	31/3/2020
	VND	VND
a. Ngắn hạn	517,347,858,191	515,228,709,194
Tiền ứng trước, tiền bảo lãnh và thanh toán hộ các bên liên quan đến BGD tiền nhiệm (i)	403,295,265,000	403,295,265,000
Phải thu từ cơ quan chức năng liên quan đến tiền mặt thiếu chờ xử lý	-	2,261,219,600
Phải thu nhân viên liên quan đến tiền mặt thiếu chờ xử lý	7,242,748,952	7,256,442,952
Tạm ứng cho nhân viên	94,909,089,446	95,658,606,487
Ký quỹ ngắn hạn	3,336,355,328	452,480,000
Vốn liên kết với các bệnh viện	2,196,001,887	1,033,593,750
Phải thu khác	6,368,397,578	5,271,101,405
b. Dài hạn	1,096,346,785	2,748,846,924
Ký quỹ dài hạn	1,096,346,785	1,664,970,639
Vốn liên kết với các bệnh viện	-	1,083,876,285
Cộng	518,444,204,976	517,977,556,118

(i) Đây là khoản tiền Công ty ứng trước, bảo lãnh, thanh toán hộ bên liên quan đến BGD tiền nhiệm.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Mẫu B 09 - DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

9 NỢ XẤU VÀ NỢ QUÁ HẠN

	31/3/2021		Thời gian quá hạn	Giá gốc	31/3/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi			Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Phải thu ngắn hạn khách hàng	396,543,806,187	9,345,840,867		396,453,791,870	8,912,771,928	
Công ty Cổ phần đầu tư A1	97,904,625,613	-	Từ 2-3 năm	97,904,625,613	-	Từ 2-3 năm
Công ty TNHH Thương mại Hướng Đông	107,340,812,353	-	Từ 1-2 năm	107,340,812,353	-	Từ 1-2 năm
Công ty TNHH Thiết bị kỹ thuật HB	33,792,574,163	-	Từ 1-2 năm	33,792,574,163	-	Từ 1-2 năm
Công ty Cổ phần thiết bị y tế Triết Tôn Tiên	28,031,022,362	-	Không xác định	28,031,022,362	-	Không xác định
Công ty TNHH một thành viên 16A	26,948,625,601	-	Không xác định	26,948,625,601	-	Không xác định
Công ty TNHH Công trình và Trang thiết bị Y tế	10,797,500,000	-	Từ 1-2 năm	10,797,500,000	-	Từ 1-2 năm
Các đối tượng khác	91,728,646,095	9,345,840,867	Từ 6 tháng-trên 3 năm	91,638,631,778	8,912,771,928	Từ 6 tháng-trên 3 năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn	304,398,066,765	-		299,028,576,765	-	
JWB Co., Ltd.	190,230,906,514	-	Không xác định	190,230,906,514	-	Không xác định
Nishimura Medical Instrument	29,872,783,121	-	Không xác định	29,872,783,121	-	Không xác định
Công ty TNHH Công trình và Trang thiết bị Y tế	36,635,000,000	-	Không xác định	36,635,000,000	-	Không xác định
Công ty TNHH sản xuất kinh doanh thuốc, thiết bị y tế RC	21,080,000,000	-	Không xác định	21,080,000,000	-	Không xác định
Gold Lite PTE. Ltd	14,851,200,000	-	Không xác định	14,851,200,000	-	Không xác định
Các đối tượng khác	11,728,177,130	-	Không xác định	6,358,687,130	-	Không xác định
Phải thu ngắn hạn khác	508,504,388,937	209,593,784		510,586,262,734	2,277,773,581	
Công ty Cổ phần thiết bị y tế Triết Tôn Tiên	315,360,806,472	-	Không xác định	315,360,806,472	-	Không xác định
Công ty TNHH Thương Mại Hướng Đông	87,934,458,528	-	Không xác định	87,934,458,528	-	Không xác định
Tạm ứng cho nhân viên và nhân viên quản lý chủ chốt tiền nhiệm	94,367,409,385	33,950,724	Không xác định	97,169,543,850	16,553,981	Không xác định
Phải thu liên quan đến chênh lệch tiền mặt chờ xử lý	7,242,748,952	-	Không xác định	9,517,662,552	2,261,219,600	Không xác định
Các đối tượng khác	3,598,965,600	175,643,060	Không xác định	603,791,332	-	Không xác định
Phải thu về cho vay ngắn hạn	999,242,500	-		999,242,500	-	
Bệnh viện Đa khoa Huyện Lâm Thao	999,242,500	-	Từ 6 tháng-1 năm	999,242,500	-	Từ 6 tháng-1 năm
Phải thu dài hạn của khách hàng	2,010,283,138					
Trung tâm y tế Huyện Cẩm Khê	602,988,948		Không xác định			
Trung tâm y tế huyện Thanh Ba	744,796,101		Không xác định			
Trung tâm y tế huyện Thanh Sơn	662,498,089		Không xác định			
	1,212,455,787,527	9,555,434,651		1,207,067,873,869	11,190,545,509	

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)**10 HÀNG TỒN KHO**

	31/3/2021		31/3/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	6,946,937,301	-	13,067,745,256	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	631,709,541		992,020,037	
Hàng hóa	85,050,707,523	(46,489,554,999)	145,547,910,903	(41,920,215,972)
Hàng gửi đi bán	13,932,634,536	-	5,472,166,101	-
Cộng	106,561,988,901	(46,489,554,999)	165,079,842,297	(41,920,215,972)

Hàng tồn kho được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2021: 34,2 tỷ VND (ngày 31 tháng 3 năm 2020: 0 VND)

11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/3/2021	31/3/2020
	VND	VND
a. Ngắn hạn	1,418,023,790	1,354,265,892
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	706,843,958	726,441,167
Các khoản khác	711,179,832	627,824,725
b. Dài hạn	9,329,576,986	13,444,550,978
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1,059,638,433	1,042,543,284
Chi phí sửa chữa, bảo trì, làm phòng cho tài sản liên kết	8,144,194,963	11,044,056,353
Cải tạo, sửa chữa văn phòng	-	1,134,531,037
Các khoản khác	125,743,590	223,420,304
Cộng	10,747,600,776	14,798,816,870

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

12 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu kỳ	832,495,340,863	27,541,580,068	541,416,656	860,578,337,587
Mua sắm	41,442,118,588	5,296,941,091	42,006,364	46,781,066,043
Thanh lý, nhượng bán trong năm	(88,117,179,747)	(8,773,690,682)	-	(96,890,870,429)
Giảm khác: Tài trợ y tế, tặng	(29,658,954,439)	-	(62,900,000)	(29,721,854,439)
Số dư cuối kỳ	756,161,325,265	24,064,830,477	520,523,020	780,746,678,762
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu kỳ	555,061,910,721	17,377,451,417	349,768,253	572,789,130,391
Khấu hao trong năm	107,155,543,340	2,310,711,084	36,728,134	109,502,982,558
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán trong năm	(83,447,001,114)	(2,829,201,398)	(62,900,000)	(86,339,102,512)
Giảm khác: Tài trợ y tế, tặng	(26,459,862,997)	-	-	(26,459,862,997)
Số dư cuối kỳ	552,310,589,950	16,858,961,103	323,596,387	569,493,147,440
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu kỳ	368,570,232,923	7,028,109,711	311,597,421	287,789,207,196
Tại ngày cuối kỳ	203,850,735,315	7,205,869,374	196,926,633	211,253,531,322

Tại ngày ngày 31 tháng 03 năm 2021 một số tài sản cố định hữu hình của Công ty có giá trị còn lại là: 59,3 tỷ VND được sử dụng thế chấp cho các khoản vay ngân hàng (ngày 31 tháng 3 năm 2020: 15 tỷ VND)

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

13 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	923,000,480
Tăng trong kỳ	3,441,437,500
Số dư cuối kỳ	4,364,437,980
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	570,801,346
Khấu hao trong kỳ	584,787,445
Số dư cuối kỳ	1,155,588,791

14 TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	31/3/2021	31/3/2020
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	933,657,355	10,347,850,300
Cộng	933,657,355	10,347,850,300

15 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

31/3/2021

	Địa chỉ	% sở hữu	% quyền biểu	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:				750,000,000	(750,000,000)	
Đầu tư vào công ty liên kết						
· Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín	TP. Hồ Chí Minh	25%	25%	750,000,000	(750,000,000)	(*)
Đầu tư vào dự án liên kết Thiết bị y tế				110,750,000,000	(110,750,000,000)	
· Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Triết Tôn Tiên				110,750,000,000	(110,750,000,000)	(*)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				101,695,200,000		
· Trái phiếu BTW.BOND.2020-Công ty CP nước Bình Thuận				56,028,000,000		
· Đối tượng khác				45,667,200,000	-	
				213,195,200,000	(111,500,000,000)	(*)

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các đầu tư tài chính.

31/3/2020

	Địa chỉ	% sở hữu	% quyền biểu	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:				750,000,000	(750,000,000)	
Đầu tư vào công ty liên kết						
· Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín	TP. Hồ Chí Minh	25%	25%	750,000,000	(750,000,000)	
Đầu tư vào dự án liên kết Thiết bị y tế				110,750,000,000	(110,750,000,000)	
· Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Triết Tôn Tiên				110,750,000,000	(110,750,000,000)	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				4,520,000,000		
· Trái phiếu ngân hàng BIDV				4,520,000,000		
				116,020,000,000	(111,500,000,000)	

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/3/2021	31/3/2020
	VND	VND
Các khoản phải trả		
Thuế giá trị gia tăng	659,845,799	31,211,358
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(10,000,000)	(52,949,725)
Thuế thu nhập cá nhân	18,271,342	(34,347,295)
Thuế thu nhập cá nhân	(249,346,239)	
Thuế khác	15,291,163	-
Cộng	468,208,905	(56,085,662)

Trong đó:

Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

259,346,239 359,995,078

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

727,555,144 303,909,416

17 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/3/2021		31/3/2020	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Hitachi Medical Instrument Co., Ltd.	11,807,793,613	11,807,793,613	21,807,192,000	21,807,192,000
- Công ty TNHH Fujifilm Việt Nam	9,205,024,901	9,205,024,901	18,203,896,771	18,203,896,771
- Konica Minolta Inc.	6,806,506,514	10,145,923,722	6,409,838,563	6,409,838,563
- Phải trả cho các đối tượng khác	3,890,774,494	3,890,774,494	3,117,754,015	3,117,754,015
Cộng	31,710,099,522	35,049,516,730	49,538,681,349	49,538,681,349

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

18 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/3/2021	31/3/2020
	VND	VND
- Trích trước chi phí tư vấn chuyên môn	13,562,119,184	7,254,366,398
- Trích trước hoa hồng kinh doanh	3,405,942,024	6,495,918,187
- Trích trước chi phí phải trả cho cá nhân góp vốn đầu tư vào hoạt động liên kết	13,557,526,134	5,839,777,105
- Trích trước chi phí bảo hành sản phẩm	231,934,848	1,073,769,282
- Trích trước chi phí lãi vay	67,106,231	-
- Các khoản trích trước khác	2,717,831,329	3,670,316,805
Cộng	33,542,459,750	24,334,147,777

Công ty ước tính chi phí tư vấn chuyên môn, hoa hồng kinh doanh và các chi phí ước tính khác trên cơ sở thỏa thuận đã ký với các đối tác.

19 PHẢI TRẢ KHÁC

	31/3/2021	31/3/2020
	VND	VND
a. Ngắn hạn	1,191,117,649	1,057,567,838
- Kinh phí công đoàn;	113,370,000	153,848,700
- Bảo hiểm xã hội	6,737,100	-
- Bảo hiểm y tế	1,188,900	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	528,400	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1,069,293,249	903,719,138
b. Dài hạn	16,916,102,804	24,781,710,172
- Phải trả khác liên quan tới vốn liên kết đã nhận (i)	16,916,102,804	24,781,710,172
Cộng	18,107,220,453	25,839,278,010

(i) Phản ánh tiền nhận vốn góp của các cá nhân tham gia dự án liên kết thiết bị y tế tại các Bệnh viện.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

20 VAY NGẮN HẠN VÀ VAY DÀI HẠN ĐẾN HẠN TRẢ

	31/3/2020	Trong kỳ		31/3/2021
	VND	VND	VND	VND
	Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị
Vay ngắn hạn	-	82,470,771,645	17,163,287,656	65,307,483,989
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và PTViệt Nam-Tây Hà Nội (BIDV)		37,835,552,561	8,104,160,000	29,731,392,561
- Ngân hàng TMCP Quân đội -Sở GD1 (MB)	-	44,635,219,084	9,059,127,656	35,576,091,428
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 21)	-	3,115,000,000	1,335,000,000	1,780,000,000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam -CN Mỹ Đình	-	3,115,000,000	1,335,000,000	1,780,000,000
Cộng	-	85,585,771,645	18,498,287,656	67,087,483,989

21 VAY DÀI HẠN

	31/3/2020	Trong kỳ		31/3/2021
	VND	VND	VND	VND
	Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị
Vay dài hạn	-	7,093,433,984	3,115,000,000	3,978,433,984
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam -CN Mỹ Đình	-	7,093,433,984	3,115,000,000	3,978,433,984
Cộng	-	7,093,433,984	3,115,000,000	3,978,433,984
- Số phải trả trong vòng 12 tháng	-			67,087,483,989
- Số phải trả sau 12 tháng	-			3,978,433,984

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	1,125,001,710,000	402,288,328,850	19,211,235,252	(1,017,919,129,980)	528,582,144,122
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	2,796,028,877	2,796,028,877
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ trước	1,125,001,710,000	402,288,328,850	19,211,235,252	(1,015,123,101,103)	531,378,172,999
Số dư đầu kỳ này	1,125,001,710,000	402,288,328,850	19,211,235,252	(1,015,123,101,103)	531,378,172,999
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	(76,659,186,777)	(76,659,186,777)
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	2,250,003,420,000	804,576,657,700	38,422,470,504	(1,091,782,287,880)	454,718,986,222

Cổ phiếu

-Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng

+Cổ phiếu phổ thông

-Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

+Cổ phiếu phổ thông

Số cuối kỳ

112,500,171

112,500,171

Số đầu kỳ

112,500,171

112,500,171

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 18, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty đều là 1.125.001.710 đồng.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

23 DOANH THU

Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, trong đó:

	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 03 năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	66,192,813,958	60,900,832,717
Doanh thu được chia từ các dự án liên kết	24,090,850,928	30,398,899,025
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3,285,003,907	3,512,342,064
Cộng	93,568,668,793	94,812,073,806

Các khoản giảm trừ doanh thu

Hàng bán bị trả lại	126,954,761	2,033,969,698
Cộng	126,954,761	2,033,969,698

Doanh thu thuần **93,441,714,032** **92,778,104,108**

24 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 03 năm 2020
	VND	VND
Giá vốn của hàng đã bán	58,959,418,424	45,836,275,562
Giá vốn liên quan đến dự án liên kết thiết bị y tế	38,884,177,258	25,320,227,262
Giá vốn cung cấp dịch vụ	5,414,766,558	5,565,836,488
(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(13,239,225,424)	(789,079,978)
Cộng	90,019,136,816	75,933,259,334

25 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 03 năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1,857,459,789	775,982,606
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	580,307,919	193,314,828
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	378,765,007	-
Cộng	2,816,532,715	969,297,434

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

26 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 03 năm 2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay	805,791,355	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	260,786,489
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	18,836,602	-
Chi phí tài chính khác	-	-
Cộng	824,627,957	260,786,489

27 THU NHẬP KHÁC

	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 03 năm 2020
	VND	VND
Chi phí Hỗ trợ, biếu tặng từ nhà cung cấp	634,551,610	3,428,934,589
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	135,746,363	-
Các khoản khác	7,381,501	111,160
Cộng	777,679,474	3,429,045,749

28 CHI PHÍ KHÁC

	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 03 năm 2020
	VND	VND
Lỗ do thanh lý tài sản cố định	3,653,200,448	857,686,936
Chi phí khác	(1,741,217,130)	292,813,306
Cộng	1,911,983,318	1,150,500,242

29 CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 03 năm 2020
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	15,123,454,048	8,339,939,620
- Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	6,068,102,974	(477,752,671)
- Chi phí nhân viên	2,487,490,411	3,605,932,431
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	6,567,860,663	5,211,759,860
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	12,070,114,079	20,200,217,457
- Chi phí nhân viên	4,455,920,629	7,184,808,189
- Các khoản chi phí bán hàng khác	7,614,193,450	13,015,409,268

